

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	6.000.000.000	3.459.274.639	1.485.868.739	570.050.989	-	11.515.194.367
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.157.892.683	3.157.892.683
Tăng khác	-	-	1.699.285.081	-	-	1.699.285.081
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(570.050.989)	(3.157.892.683)	(3.727.943.672)
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	6.000.000.000	3.459.274.639	3.185.153.820	-	-	12.644.428.459
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.768.037.224	3.768.037.224
Tăng khác	-	1.285.861.818	1.720.822.334	-	-	3.006.684.152
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1.285.861.818)	-	(3.768.037.224)	(5.053.899.042)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.000.000.000	4.745.136.457	3.620.114.336	-	-	14.365.250.793

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMİ

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	3.060.000.000	3.060.000.000
Vốn đầu tư của đối tượng khác	2.940.000.000	2.940.000.000
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	900.000.000	900.000.000

Cổ tức

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Cổ phiếu

	2015 (VND)	2014 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	600.000	600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	600.000	600.000
Cổ phiếu phổ thông	600.000	600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	600.000	600.000
Cổ phiếu phổ thông	600.000	600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	10.000 VND

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	3.620.114.336	3.185.153.820
Quỹ dự phòng tài chính	-	-

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.112.683.734	431.555.329.772
Doanh thu cung cấp hàng hóa	405.304.058.687	421.977.771.385
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.808.625.047	9.577.558.387

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Giá vốn cung cấp hàng hóa	368.763.593.714	390.070.786.588
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.224.404.984	8.748.759.906
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(52.367.692)
Cộng	371.987.998.698	398.767.178.802

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.662.013	42.350.554
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.521.277	-
Cộng	41.183.290	42.350.554

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Chi phí lãi vay	1.834.421.726	2.447.136.884
Lỗ chênh lệch tỷ giá	86.974.114	56.767.847
Cộng	1.921.395.840	2.503.904.731

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.5 Thu nhập khác

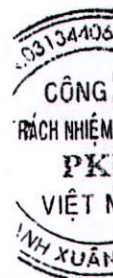
	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Nhượng vật tư, bán phế liệu thu hồi	-	770.976.281
Tiền phạt thu được	-	-
Thu nhập quà biếu, tặng	-	-
Các khoản khác	818.181 ^t	33.272.596
Cộng	818.181	804.248.877

6.6 Chi phí khác

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Chi phí nhượng bán vật tư phế liệu	-	-
Các khoản bị phạt	2.613.862	176.366.375
Các khoản khác	2.613.862	-
Cộng	5.227.724	176.366.375

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.585.867.196	10.384.167.234
Chi phí nhân viên	6.191.582.902	5.048.406.411
Các khoản khác	9.394.284.294	5.335.760.823
b. Chi phí bán hàng	14.786.427.519	16.525.593.823
Chi phí nhân viên	7.196.986.394	8.038.385.417
Chi phí vật liệu, bao bì	1.046.217.296	1.333.442.057
Các khoản khác	6.543.223.829	7.153.766.349
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	30.372.294.715	26.909.761.057



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.867.768.228	4.044.718.238
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	131.009.062	(16.235.535)
+ Chi phí không được trừ	131.009.162	153.659.715
+ Chi phí được trừ khi tính thuế TNDN	-	169.895.250
- Tổng thu nhập chịu thuế	4.998.777.290	4.028.482.703
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	4.998.777.290	4.028.482.703
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.099.731.004	886.266.194
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN tính trên phần thu nhập khác theo thuế suất 25%	-	559.361
- Giảm 30% thuế theo quy định	-	-
Cộng	1.099.731.004	886.825.555

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.768.037.224	3.157.892.683
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.768.037.224	3.157.892.683
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế	1.147.214.890	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi loại trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ LNST	2.620.822.334	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	600.000	600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.368	5.263



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
	(VND)	(VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	145.976.094.161	156.287.440.210
Chi phí nhân công	25.613.674.888	25.869.177.766
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.680.074.112	5.486.370.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.490.634.938	14.521.618.871
Chi phí khác bằng tiền	13.987.941.624	10.201.405.105
Cộng	199.748.419.723	212.366.012.486

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua bán, nhập khẩu thiết bị bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

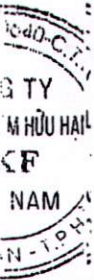
Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVM

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2015			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.331.015.276	-	1.331.015.276
Phải thu khách hàng	62.013.068.530	-	62.013.068.530
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	898.955.204	7.362.500	906.317.704
Tài sản tài chính khác	53.858.089	-	53.858.089
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.881.339.979)	-	(1.881.339.979)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	62.415.557.120	7.362.500	62.422.919.620
Ngày 31/12/2015			
Các khoản vay và nợ	23.698.384.507	-	23.698.384.507
Phải trả người bán	33.276.870.057	-	33.276.870.057
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	16.705.027.402	2.130.000	16.707.157.402
Tổng cộng	73.680.281.966	2.130.000	73.682.411.966
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.264.724.846)	5.232.500	(11.259.492.346)
Ngày 01/01/2015			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.238.427.250	-	4.238.427.250
Phải thu khách hàng	50.173.187.738	-	50.173.187.738
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	2.052.726.631	24.740.100	2.077.466.731
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.881.339.979)	-	(1.881.339.979)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	54.583.001.640	24.740.100	54.607.741.740
Ngày 01/01/2015			
Các khoản vay và nợ	14.031.189.485	-	14.031.189.485
Phải trả người bán	49.589.580.531	-	49.589.580.531
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.551.209.309	2.130.000	11.553.339.309
Tổng cộng	75.171.979.325	2.130.000	75.174.109.325
Chênh lệch thanh khoản thuần	(20.588.977.685)	22.610.100	(20.566.367.585)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	62.013.068.530	50.173.187.738	60.131.728.551	48.291.847.759
<i>Các khoản phải thu khác</i>	906.317.704	2.077.466.731	906.317.704	2.077.466.731
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.331.015.276	4.238.427.250	1.331.015.276	4.238.427.250
Tổng cộng	64.250.401.510	56.489.081.719	62.369.061.531	54.607.741.740
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	23.698.384.507	14.031.189.485	23.698.384.507	14.031.189.485
<i>Phải trả người bán</i>	33.276.870.057	49.589.580.531	33.276.870.057	49.589.580.531
<i>Phải trả khác</i>	16.705.027.402	11.551.209.309	16.705.027.402	11.551.209.309
Tổng cộng	73.680.281.966	75.171.979.325	73.680.281.966	75.171.979.325

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2015 và ngày 01/01/2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

34406
 CÔNG
 CH. NHIỆM
 PK
 VIỆT N
 XUÂN

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.2 Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: sản xuất kinh doanh vỏ bao, lưới thép, gông lò, kinh doanh vật tư và các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Doanh thu hàng hóa VND	Xây dựng cơ bản VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Năm 2014				
Doanh thu	421.977.771.385	-	9.577.558.387	431.555.329.772
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	390.048.625.419	-	8.748.759.906	398.797.385.325
Lợi nhuận gộp	31.929.145.966	-	828.798.481	32.757.944.447
Năm 2015				
Doanh thu	405.304.058.687	-	3.808.625.047	409.112.683.734
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	368.763.593.714	-	3.224.404.984	371.987.998.698
Lợi nhuận gộp	36.540.464.973	-	584.220.063	37.124.685.036

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn, Tổng công ty được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 31/12/2015 và giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu, giá vốn nội bộ trong Tập đoàn, Tổng công ty.
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn, Tổng công ty.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	1.009.800.000	679.680.560
Thù lao của Hội đồng quản trị	147.605.900	94.180.860
Tổng cộng	1.157.405.900	773.861.420

7.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI
Địa chỉ: Tổ 26, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội nay là Công ty TNHH PKF Việt Nam, được trình bày lại theo mẫu của Thông tư 200/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Chi tiết như sau:
Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	01/01/2015 (Đã được trình bày trước đây)	Số liệu tăng, giảm để trình bày lại	01/01/2015 (Được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Các khoản phải thu khác	10.555.198	1.176.710.933	1.187.266.131
Tài sản ngắn hạn khác	1.176.710.933	(1.176.710.933)	-
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Phải thu dài hạn khác	-	24.740.000	24.740.000
Tài sản dài hạn khác	24.740.000	(24.740.000)	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hồng Nhung

Phạm Đình Tuấn

Phạm Quang Khải

BÁO CÁO DOANH THU, GIÁ VỐN NỘI BỘ TRONG TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY

Năm 2015

TT	Tên đơn vị bán	Đơn vị tính	Doanh thu		Giá trị (VND)	SL	Giá vốn	
			Đơn giá	2			Đơn giá	5
A	B	C	SL	1	3	4	5	6
	Doanh thu tại Công ty				256.562.303.594			
	Công ty Cổ phần Xi Măng La Hiên - VVMI				56.353.135.984			
	Công ty Cổ phần Xi Măng Tân Quang - VVMI				25.560.487.700			
	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - Vinacomin				18.126.660.000	-		
	Công ty TNHH MTV Than Thống Nhất - Vinacomin				13.581.709.120			
	Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin				11.228.825.000			
	Công ty Than Mạo Khê				4.405.226.260			
	Công ty Than Dương Huy				23.055.077.725			
	Công ty TNHH Than Nam Mẫu - Vinacomin				3.797.099.400			
	Công ty Than Hà Lâm				10.014.418.400			
	Công ty Than Mông Dương				10.985.139.616			
	Công ty Than Hồng Thái				9.561.480.500			
	Công ty Than Khe Chàm				11.111.575.710			
	Công ty Than Ưông Bí - XN Hoàng Bồ				2.061.682.972			
	Công ty CP Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI				8.544.535.200			
	Công ty CP Nhiệt Điện Cẩm Phả				2.442.565.190			
	Công ty Than Vàng Danh				9.001.130.100			
	Công ty Tuyển Than Cửa Ông				5.981.822.050			
	Công ty Than Hòn Gai				9.755.385.250			
	Công ty Than Quang Hanh				2.376.544.690			
	Công ty Than Tây Nam Đá Mài				15.700.000			
	Công ty Nhôm Lâm Đồng				6.418.620.000			
	Công ty Than Hạ Long				3.301.380.800			
	Công ty Than Cọc Sáu				5.382.776.400			
	Công ty Than Khánh Hòa - VVMI				2.677.272.727			

1640

G TY

EM HUU

CF

NAM

TT	Tên đơn vị bán	Đơn vị tính	Doanh thu		Giá trị (VND)		Giá vốn	
			SL	Đơn giá	3	4	5	6
A	B	C	1	2				
	Xí nghiệp vật tư hóa chất mỏ - TCT CN Hóa chất mỏ				634.692.800			
	Công ty Than Hà Tu				144.800.000			
	Công ty Than Na Dương - VVMI				42.560.000			
	Tại Chi nhánh công ty				136.884.975.773			
	Công ty Than Mạo Khê				1.463.817.000			
	Công ty CP Than Vàng Danh-Vinacomin				14.236.078.000			
	Công ty XD Mỏ Hàm Lò 2				6.314.358.600			
	Công ty Than Khe Chàm				46.806.127.500			
	Công ty Than Mông Dương				12.578.969.295			
	Công ty Than Thống Nhất				19.064.202.460			
	Công ty Than Cọc Sáu				787.035.000			
	Công ty Than Quang Hanh				1.040.824.000			
	Công ty Than Dương Huy				6.711.140.000			
	Công ty Than Nam Mẫu				26.205.951.023			
	Công ty Than Núi Béo				363.720.000			
	Công ty Than Hà Lâm				610.678.895			
	Tuyển Than Cửa Ông				702.074.000			
	TỔNG CỘNG				393.447.279.367			

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ng

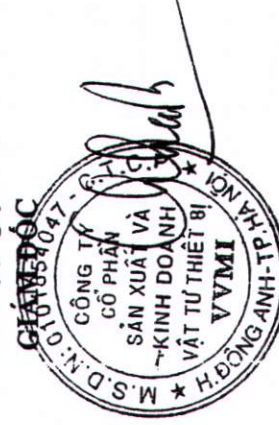
Nguyễn Thị Hồng Nhung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ph

Phạm Đình Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016



Phạm Quang Khải

HÀ

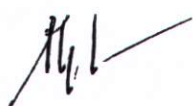
BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VNĐ

TT A	Tên đơn vị B	Các khoản công nợ		
		131 1	331 2	338 3
A	NỢ PHẢI THU	59.396.297.665	-	-
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	59.396.297.665	-	-
	Công ty Than Hồng Thái - TKV	787.097.740	-	-
	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	3.249.603.720	-	-
	Công ty Xây dựng Hàm Lò II-TKV	2.795.224.300	-	-
	Công ty CP Than Đèo Nai - Vinacomin	996.656.200	-	-
	Công ty CP Than Cao Sơn	162.338.000	-	-
	Công ty CP Xi măng La Hiến - VVMI	9.051.403.700	-	-
	Công ty CP Than Cọc Sáu	1.106.468.500	-	-
	Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm đồng- Vinacomin	919.732.000	-	-
	Công ty Than Hòn Gai - TKV	682.756.800	-	-
	Công ty Than Na Dương - VVMI	46.816.000	-	-
	Công ty CP Nhiệt điện Cẩm phá	144.662.672	-	-
	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI	2.820.666.340	-	-
	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	5.823.730.000	-	-
	Công ty Than Dương Huy - TKV	5.963.564.750	-	-
	Công ty Than Khe Châm - TKV	12.860.924.839	-	-
	Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	2.470.758.103	-	-
	Công ty Than Quang Hanh - TKV	837.085.601	-	-
	Công ty Than Thống Nhất - TKV	3.302.171.620	-	-
	Công ty TNHH MTV Than Uông Bí	153.428.000	-	-
	Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin	552.552.000	-	-
	Công ty Than Hạ Long - TKV	1.818.518.880	-	-
	Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	2.419.355.900	-	-
	Công ty Tuyển than Cửa Ông-TKV	30.690.000	-	-
	Công ty CP Than Núi Béo-Vinacomin	400.092.000	-	-
B	NỢ PHẢI TRẢ	-	-	2.235.178.771
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	-	-	-
1	Công ty Kho vận Cẩm Phả	-	-	-
2	Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam	-	-	-
3	Công ty Kho Vận Đá Bạc	-	-	-
4	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	2.235.178.771

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG





Nguyễn Thị Hồng Nhung

Phạm Đình Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016



Phạm Quang Khải